ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 320 /KH-UBND	*Ninh Bình, ngày 19 tháng 9 năm 2026*

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Quyết định số 1671/QĐ-TTg ngày 28/8/2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về trí tuệ nhân tạo đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Ninh Bình

Ngày 28 tháng 8 năm 2026, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1671/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược quốc gia về trí tuệ nhân tạo đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Để cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ của Chiến lược, phù hợp với điều kiện thực tiễn và yêu cầu phát triển của tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình ban hành Kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Cụ thể hóa và tổ chức thực hiện đầy đủ, đồng bộ, hiệu quả các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Chiến lược quốc gia về trí tuệ nhân tạo (AI) đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 được phê duyệt tại Quyết định số 1671/QĐ-TTg, phù hợp với điều kiện, tình hình thực tiễn của tỉnh Ninh Bình; bảo đảm đồng bộ, thống nhất với Nghị quyết số 57-NQ/TW và các nghị quyết, chương trình, kế hoạch, đề án của tỉnh về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

b) Xác định AI là một trong những năng lực công nghệ cốt lõi, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản trị, điều hành của chính quyền địa phương 02 cấp; thúc đẩy phát triển kinh tế số, xã hội số; nâng cao năng suất lao động, chất lượng cung cấp dịch vụ công và chất lượng cuộc sống của người dân trên địa bàn tỉnh.

c) Xác định rõ nhiệm vụ, trách nhiệm của cơ quan, đơn vị chủ trì, cơ quan, đơn vị phối hợp, sản phẩm đầu ra và thời hạn hoàn thành; làm cơ sở tổ chức thực hiện, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra và đánh giá kết quả thực hiện.

2. Yêu cầu

a) Bám sát các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Chiến lược quốc gia về trí tuệ nhân tạo; bảo đảm các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ đề ra có tính khả thi, phù hợp với thẩm quyền, nguồn lực và điều kiện thực tiễn của tỉnh Ninh Bình, nhất là đặc điểm tỉnh sau hợp nhất, yêu cầu bảo tồn và phát huy giá trị di sản, phát triển du lịch và tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

b) Tổ chức thực hiện theo nguyên tắc "6 rõ": Rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ thẩm quyền, rõ thời gian, rõ kết quả. Các nhiệm vụ, dự án, sản phẩm ứng dụng AI phải xác định rõ sản phẩm đầu ra; bảo đảm sản phẩm có khả năng vận hành thực tế, được tích hợp, khai thác dữ liệu, có người sử dụng và có hồ sơ, dữ liệu hoặc minh chứng để kiểm tra, đánh giá kết quả.

c) Phát triển, quản lý và ứng dụng AI theo hướng an toàn, có kiểm soát, có trách nhiệm, tuân thủ các quy định của pháp luật về trí tuệ nhân tạo, dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân, an ninh mạng, an toàn thông tin và bảo vệ bí mật nhà nước; ưu tiên phát triển, sử dụng các mô hình, nền tảng AI tập trung, dùng chung; bảo đảm yêu cầu an toàn, an ninh ngay từ khâu thiết kế, xây dựng và triển khai.

d) Bảo đảm không đầu tư trùng lặp với các nền tảng số dùng chung quốc gia theo Quyết định số 1132/QĐ-TTg ngày 24/6/2026 của Thủ tướng Chính phủ; tuân thủ Khung kiến trúc số, Khung kiến trúc chính quyền số tỉnh Ninh Bình; ưu tiên thuê dịch vụ, tái sử dụng, kết nối, khai thác hiệu quả hạ tầng, nền tảng và dữ liệu hiện có; thực hiện phân loại, bố trí và sử dụng nguồn vốn phù hợp theo quy định tại Nghị định số 224/2026/NĐ-CP ngày 24/6/2026 của Chính phủ.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

a) Đến năm 2030, đưa Ninh Bình trở thành một trong những địa phương có năng lực ứng dụng, triển khai và quản trị trí tuệ nhân tạo (AI) thuộc nhóm dẫn đầu cả nước; AI được ứng dụng rộng rãi, từng bước trở thành năng lực công nghệ quan trọng, tích hợp vào hoạt động quản trị, điều hành của chính quyền địa phương, cung cấp dịch vụ công, sản xuất, kinh doanh và đời sống xã hội; góp phần thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 57-NQ/TW và mục tiêu đưa tỉnh Ninh Bình vào nhóm 10 địa phương dẫn đầu cả nước về chuyển đổi số.

b) Tầm nhìn đến năm 2045, xây dựng Ninh Bình trở thành địa phương có năng lực ứng dụng, phát triển và quản trị AI tiên tiến; AI được tích hợp sâu vào hoạt động của chính quyền, kinh tế và xã hội trên nền tảng dữ liệu số, hạ tầng số và hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh, chất lượng tăng trưởng và chất lượng cuộc sống của người dân.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

Hệ thống chỉ tiêu cụ thể của tỉnh thực hiện Chiến lược quốc gia về trí tuệ nhân tạo đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 được xác định tại Phụ lục I kèm theo Kế hoạch này. Trong đó, ưu tiên tập trung thực hiện các chỉ tiêu trọng tâm như sau:

a) 100% dịch vụ công trực tuyến của tỉnh được tích hợp các tính năng, tiện ích AI phù hợp nhằm hỗ trợ người dân, doanh nghiệp trong tiếp cận, sử dụng dịch vụ công;

b) 100% hồ sơ thủ tục hành chính thuộc các nhóm nghiệp vụ phù hợp được ứng dụng AI để hỗ trợ tiếp nhận, phân loại, kiểm tra, xử lý hoặc giám sát tiến độ;

c) 100% cán bộ, công chức, viên chức được trang bị kỹ năng và được cung cấp công cụ, nền tảng AI phù hợp để hỗ trợ công việc; phấn đấu hình thành thói quen sử dụng AI thường xuyên, hiệu quả và an toàn trong hoạt động chuyên môn;

d) Trung tâm Điều hành thông minh (IOC) của tỉnh được nâng cấp theo hướng tích hợp AI, tăng cường khả năng phân tích, dự báo, cảnh báo và hỗ trợ ra quyết định phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành;

e) 100% cơ sở dữ liệu dùng chung và dữ liệu chuyên ngành trọng yếu của tỉnh được số hóa, chuẩn hóa, làm sạch, cập nhật và quản trị theo quy định, sẵn sàng kết nối, chia sẻ và khai thác phục vụ các ứng dụng AI;

g) 100% cơ quan nhà nước cấp tỉnh thực hiện cung cấp, chia sẻ dữ liệu mở theo quy định; dữ liệu mở được bảo đảm về tính đầy đủ, chính xác, cập nhật, khả năng truy cập và khả năng tái sử dụng.

III. CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

Danh mục chi tiết các nhiệm vụ, giải pháp, cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp, đơn vị thực hiện, sản phẩm, kết quả đầu ra và thời gian thực hiện được xác định tại Phụ lục II kèm theo Kế hoạch này, tổ chức theo các nhóm nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm sau:

1. Nhân lực AI và kỹ năng AI toàn dân: Đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực và kỹ năng ứng dụng AI cho cán bộ, công chức, viên chức; phổ cập kiến thức, kỹ năng AI cơ bản cho người dân gắn với phong trào "Bình dân học vụ số"; thu hút, đào tạo và hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực chuyên trách về chuyển đổi số, dữ liệu, AI và an ninh mạng.

2. Dữ liệu và mô hình AI: Phát triển, số hóa, chuẩn hóa, làm sạch, cập nhật, kết nối, chia sẻ và mở dữ liệu đối với các cơ sở dữ liệu dùng chung, dữ liệu chuyên ngành phục vụ phát triển và ứng dụng AI theo nguyên tắc "đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung"; xây dựng, cập nhật Khung kiến trúc dữ liệu, Khung quản trị dữ liệu và Từ điển dữ liệu cấp tỉnh; xây dựng kho tri thức, dữ liệu tiếng Việt và các tập dữ liệu chuyên ngành phục vụ phát triển, huấn luyện và vận hành các mô hình, trợ lý AI của tỉnh.

3. Hạ tầng AI: Nâng cấp hạ tầng số, điện toán đám mây, kết nối mạng, năng lực tính toán và thiết bị đầu cuối đáp ứng yêu cầu phát triển, triển khai và khai thác các ứng dụng AI; ưu tiên thuê dịch vụ, tái sử dụng hạ tầng hiện có, bảo đảm hiệu quả đầu tư và không đầu tư trùng lặp với các nền tảng số dùng chung quốc gia.

4. AI trong quản trị, điều hành của tỉnh: Tích hợp AI vào các hạ tầng số dùng chung và nền tảng nghiệp vụ của tỉnh; triển khai Trợ lý AI công vụ cấp tỉnh

theo hướng kết nối, kế thừa và khai thác hiệu quả nền tảng AI công vụ quốc gia; nâng cấp Trung tâm Điều hành thông minh (IOC) của tỉnh theo hướng tích hợp AI; ứng dụng AI trong cung cấp dịch vụ công, xử lý thủ tục hành chính, rà soát, phân tích văn bản, tổng hợp và phân tích thông tin, hỗ trợ xây dựng chính sách, dự báo và hỗ trợ ra quyết định.

5. AI trong các ngành, lĩnh vực: Thúc đẩy nghiên cứu, ứng dụng AI phù hợp với nhu cầu và điều kiện thực tiễn trong các ngành, lĩnh vực có tiềm năng, lợi thế của tỉnh như nông nghiệp, y tế, giáo dục và đào tạo, du lịch - di sản - văn hóa, công thương, xây dựng - đô thị, tài chính, tài nguyên và môi trường, lao động - an sinh xã hội và các lĩnh vực khác.

6. AI hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, hộ kinh doanh, hợp tác xã: Triển khai các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, hộ kinh doanh, hợp tác xã tiếp cận, ứng dụng AI trong quản trị, sản xuất, kinh doanh và cung cấp dịch vụ; phổ biến danh mục sản phẩm, nền tảng, giải pháp AI phù hợp; hỗ trợ kết nối cung - cầu và nâng cao năng lực tiếp nhận, khai thác AI.

7. Phát triển hệ sinh thái AI: Hỗ trợ phát triển doanh nghiệp công nghệ số, doanh nghiệp AI và hệ sinh thái khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo về AI; thúc đẩy liên kết giữa cơ quan nhà nước, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục và tổ chức nghiên cứu; ưu tiên nghiên cứu, lựa chọn, sử dụng sản phẩm, nền tảng và dịch vụ AI "Make in Viet Nam" phù hợp trong các nhiệm vụ, dự án của tỉnh.

8. Quản trị AI an toàn, có trách nhiệm và đáng tin cậy: Xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện hướng dẫn sử dụng AI an toàn, có trách nhiệm trong cơ quan nhà nước và các lĩnh vực phù hợp; đánh giá, phân loại và quản lý rủi ro đối với các hệ thống AI theo quy định của pháp luật về trí tuệ nhân tạo và Nghị định số 142/2026/NĐ-CP ngày 30/4/2026 của Chính phủ; bảo đảm an ninh mạng, an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân, bí mật nhà nước và các yêu cầu về an toàn, an ninh trong toàn bộ vòng đời của hệ thống AI.

9. Thể chế, nguồn lực, truyền thông và đo lường, đánh giá: Rà soát, tham mưu hoàn thiện cơ chế, chính sách và quy định thuộc thẩm quyền của tỉnh để thúc đẩy phát triển, ứng dụng và quản trị AI; huy động, bố trí và sử dụng hiệu quả các nguồn lực; đẩy mạnh truyền thông, nâng cao nhận thức và hình thành văn hóa sử dụng AI an toàn, có trách nhiệm; xây dựng hệ thống chỉ tiêu, phương pháp đo lường, cơ chế theo dõi, kiểm tra và đánh giá mức độ phát triển, ứng dụng và quản trị AI của tỉnh.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí từ các nguồn sau:

a) Nguồn ngân sách nhà nước bố trí theo phân cấp ngân sách, trong đó gồm chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên để thực hiện các nhiệm vụ về khoa học,

công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và phát triển, ứng dụng trí tuệ nhân tạo theo quy định;

b) Nguồn vốn xã hội hóa, hợp tác công - tư (PPP), tài trợ, viện trợ, đóng góp hợp pháp của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Căn cứ khả năng cân đối ngân sách và quy định về quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước, ưu tiên bố trí nguồn lực thực hiện các nhiệm vụ, dự án trọng điểm, có tính nền tảng và khả năng tạo tác động lan tỏa, nhất là phát triển hạ tầng, dữ liệu phục vụ AI; nâng cấp Trung tâm Điều hành thông minh (IOC); tích hợp AI vào cung cấp dịch vụ công; đào tạo, phát triển nhân lực AI và các nhiệm vụ cấp thiết khác theo Kế hoạch.

3. Việc lập dự toán, phân bổ, quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Kế hoạch phải bảo đảm đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả, tránh đầu tư trùng lặp, phù hợp với khả năng cân đối nguồn lực và tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, đầu tư công, đấu thầu và các quy định pháp luật có liên quan.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Là cơ quan đầu mối, chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra và điều phối chung việc thực hiện Kế hoạch; kịp thời tổng hợp, tham mưu xử lý những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện; định kỳ hằng năm, tổng hợp kết quả thực hiện trên địa bàn tỉnh, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Khoa học và Công nghệ theo quy định.

b) Chủ trì tham mưu ban hành và tổ chức thực hiện Hướng dẫn sử dụng AI an toàn, có trách nhiệm trong các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh; hướng dẫn, phối hợp đánh giá, phân loại và quản lý rủi ro đối với các hệ thống AI theo quy định của pháp luật về trí tuệ nhân tạo và Nghị định số 142/2026/NĐ-CP.

c) Chủ trì tham mưu triển khai Trợ lý AI công vụ cấp tỉnh, kho tri thức và các nền tảng, dữ liệu dùng chung phục vụ phát triển, ứng dụng AI; phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan trong kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu và tích hợp các hệ thống AI với hạ tầng số, nền tảng số dùng chung của tỉnh.

d) Chủ trì tham mưu phát triển, nâng cấp hạ tầng số, nền tảng số phục vụ AI; rà soát, điều phối việc triển khai các nhiệm vụ, dự án, bảo đảm tuân thủ Khung kiến trúc số, Khung kiến trúc chính quyền số tỉnh Ninh Bình, phù hợp với các nền tảng số dùng chung quốc gia, tránh đầu tư trùng lặp, nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực đầu tư.

2. Công an tỉnh

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan bảo đảm an ninh mạng, an toàn thông tin, an ninh dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân và bảo vệ bí mật nhà

nước trong quá trình phát triển, triển khai và vận hành các hệ thống, nền tảng, ứng dụng AI trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

b) Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc bảo đảm an ninh, an toàn đối với hệ thống AI, nhất là các yêu cầu về an ninh mạng, an toàn thông tin ngay từ khâu thiết kế, xây dựng, tích hợp và trong suốt vòng đời vận hành; phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan đánh giá, xử lý nguy cơ, sự cố an ninh mạng phát sinh trong quá trình ứng dụng AI.

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, tài khoản định danh điện tử và các cơ sở dữ liệu do Bộ Công an quản lý để phục vụ phát triển, ứng dụng AI theo đúng thẩm quyền, mục đích, phạm vi và quy định của pháp luật về dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân, an ninh mạng và bảo vệ bí mật nhà nước.

3. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan nghiên cứu, triển khai ứng dụng AI trong cung cấp dịch vụ công trực tuyến, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp tiếp cận, thực hiện thủ tục hành chính và nâng cao chất lượng phục vụ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công; bảo đảm việc ứng dụng AI phù hợp với quy trình nghiệp vụ, quy định pháp luật và các nền tảng dùng chung.

b) Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan, đơn vị liên quan nâng cấp, tích hợp AI vào Trung tâm Điều hành thông minh (IOC) của tỉnh; tổ chức khai thác dữ liệu, thông tin và các công cụ phân tích, dự báo, cảnh báo, hỗ trợ ra quyết định phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Sở Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan, đơn vị liên quan tổng hợp, tham mưu cấp có thẩm quyền cân đối, bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ, dự án thuộc Kế hoạch theo phân cấp ngân sách nhà nước, khả năng cân đối ngân sách và quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, đầu tư công và các quy định pháp luật có liên quan.

b) Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị trong việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các nhiệm vụ, dự án của Kế hoạch theo quy định; tham mưu cơ chế huy động, đa dạng hóa nguồn lực, thúc đẩy xã hội hóa, hợp tác công - tư (PPP) và các hình thức huy động nguồn lực hợp pháp khác phục vụ phát triển hạ tầng, dữ liệu và ứng dụng AI.

c) Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan, đơn vị liên quan rà soát, tham mưu xử lý các nội dung về kinh phí đối với các nhiệm vụ, dự án phát triển, ứng dụng AI có tính chất liên ngành, quy mô lớn hoặc cần huy động nhiều nguồn lực.

5. Đề nghị các cơ quan Đảng, Hội đồng nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội

Chủ động nghiên cứu, ứng dụng AI phù hợp trong hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo, chuyên môn, nghiệp vụ theo chức năng, nhiệm vụ; phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan, đơn vị liên quan trong kết nối, chia sẻ dữ liệu, khai thác các nền tảng, công cụ AI dùng chung và triển khai các nội dung của Kế hoạch phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, tổ chức.

6. Các doanh nghiệp; doanh nghiệp công nghệ số, doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn tỉnh

a) Chủ động xây dựng lộ trình và tổ chức ứng dụng AI phù hợp với ngành, lĩnh vực, quy mô và điều kiện thực tế của doanh nghiệp; đổi mới, tối ưu hóa hoạt động quản trị, sản xuất, kinh doanh và cung cấp dịch vụ trên cơ sở khai thác hiệu quả dữ liệu, hạ tầng số, nền tảng và các giải pháp AI; chú trọng đào tạo, nâng cao kỹ năng AI cho người lao động.

b) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị của tỉnh nghiên cứu, cung cấp hạ tầng số, nền tảng, mô hình, công cụ và giải pháp AI phù hợp; tư vấn, hỗ trợ kỹ thuật, chuyển giao công nghệ và đồng hành trong quá trình thử nghiệm, triển khai, vận hành, đánh giá hiệu quả các ứng dụng AI.

c) Tích cực tham gia nghiên cứu, đề xuất và giải quyết các bài toán thực tiễn, nhiệm vụ có tính liên ngành, quy mô lớn của tỉnh; ưu tiên nghiên cứu, phát triển và ứng dụng các sản phẩm, nền tảng, giải pháp AI do doanh nghiệp Việt Nam nghiên cứu, phát triển và làm chủ công nghệ, góp phần hình thành và phát triển hệ sinh thái AI trên địa bàn tỉnh.

d) Tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về trí tuệ nhân tạo, dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân, an ninh mạng, an toàn thông tin mạng, bảo vệ bí mật nhà nước và các quy định pháp luật có liên quan trong quá trình nghiên cứu, phát triển, cung cấp và sử dụng các sản phẩm, dịch vụ, giải pháp AI.

7. Các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường

a) Căn cứ Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh; chức năng, nhiệm vụ và điều kiện thực tế, xây dựng và ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện phát triển, ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) thuộc phạm vi quản lý, trong đó cụ thể hóa các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp; xác định rõ nhiệm vụ trọng tâm, sản phẩm đầu ra, tiến độ thực hiện, đơn vị, cá nhân chủ trì, phối hợp và nguồn lực thực hiện.

b) Tổ chức triển khai các chỉ tiêu, nhiệm vụ, dự án về phát triển, ứng dụng AI được giao tại Phụ lục I, Phụ lục II của Kế hoạch và các nhiệm vụ được xác định trong Kế hoạch của cơ quan, đơn vị, địa phương; bảo đảm đúng tiến độ, chất lượng, hiệu quả, có sản phẩm đầu ra cụ thể và khả năng vận hành, khai thác thực tế.

c) Rà soát, số hóa, chuẩn hóa, làm sạch, cập nhật và quản trị dữ liệu thuộc phạm vi quản lý; bảo đảm dữ liệu đầy đủ, chính xác, thống nhất, có khả năng kết

nối, chia sẻ, khai thác và phục vụ các ứng dụng AI theo quy định; chủ động khai thác hiệu quả các nền tảng, cơ sở dữ liệu, công cụ và trợ lý AI dùng chung do Trung ương và tỉnh triển khai, không đầu tư trùng lặp.

d) Bố trí nhân lực và các nguồn lực cần thiết theo thẩm quyền để tổ chức thực hiện Kế hoạch; chú trọng đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao kỹ năng sử dụng AI cho cán bộ, công chức, viên chức và các đối tượng có liên quan; chủ động phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan trong quá trình triển khai.

đ) Định kỳ hoặc đột xuất báo cáo kết quả thực hiện về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, đánh giá; số liệu, kết quả báo cáo phải bảo đảm chính xác, thống nhất với hồ sơ, dữ liệu và minh chứng thực hiện; kịp thời đề xuất giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 1671/QĐ-TTg ngày 28 tháng 8 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Ninh Bình. Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, đơn vị có liên quan nghiêm túc tổ chức triển khai thực hiện, bảo đảm tiến độ, chất lượng và hiệu quả các nhiệm vụ được giao.

Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc hoặc cần điều chỉnh, bổ sung nội dung Kế hoạch, các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời phản ánh về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Bộ Công an;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng ĐĐBQH&HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể;
- Công an tỉnh;
- Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- VPUBND tỉnh: CVP, PCVP, các VP,TT;
- UBND các xã, phường;
- VNPT, Viettel, Mobifone, Bưu điện tỉnh NB;
- Lưu: VT, VP11.

BXC_VP11_KH

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

Đặng Thanh Sơn

PHỤ LỤC I

HỆ THỐNG MỤC TIÊU THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC QUỐC GIA VỀ TRÍ TUỆ NHÂN TẠO ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NINH BÌNH

(Kèm theo Kế hoạch số 320*/KH-UBND ngày* 19 *tháng* 9 *năm 2026 của UBND tỉnh)*

STT	Tên, nội dung mục tiêu	ĐVT	Chỉ tiêu đến 2030	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá	Cơ quan phối hợp thực hiện
A. MỤC TIÊU ĐẾN NĂM 2030					
I. Tác động					
1.	Đóng góp của kinh tế AI vào quy mô kinh tế số của tỉnh (gắn mục tiêu kinh tế số tối thiểu 30% GRDP)	%	Khoảng 6%	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính; các sở, ban, ngành, địa phương
2.	Năng suất lao động trong các ngành, lĩnh vực ứng dụng AI tăng thêm	%	≥ 10 - 15	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, địa phương; doanh nghiệp
II. Kết quả					
3.	Tỷ lệ doanh nghiệp có ứng dụng AI ghi nhận tăng năng suất, giảm chi phí, tăng doanh thu	%	≥ 60	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Công Thương; Sở Tài chính; doanh nghiệp
4.	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức sử dụng nền tảng AI trong công việc hằng tuần	%	100	Sở Nội vụ	Sở Khoa học và Công nghệ; các sở, ban, ngành, địa phương
5.	Tỷ lệ quyết định chỉ đạo, điều hành của cơ quan nhà nước cấp tỉnh được hỗ trợ bởi dữ liệu và AI	%	≥ 60	Sở Khoa học và Công nghệ	Văn phòng UBND tỉnh; các sở, ban, ngành, địa phương
6.	Mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với dịch vụ công được hỗ trợ bởi AI (tăng so với năm 2026)	%	≥ 30	Văn phòng UBND tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ; các sở, ban, ngành, địa phương
III. Sản phẩm đầu ra					
7.	Tỷ lệ sở, ban, ngành và UBND xã, phường ban hành/triển khai kế hoạch, nhiệm vụ thực hiện Chiến lược AI	%	100	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, địa phương

STT	Tên, nội dung mục tiêu	ĐVT	Chỉ tiêu đến 2030	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá	Cơ quan phối hợp thực hiện
8.	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến của tỉnh được tích hợp, hỗ trợ bởi AI	%	100	Văn phòng UBND tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ; các sở, ban, ngành, địa phương
9.	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được hỗ trợ xử lý bằng AI	%	100	Văn phòng UBND tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ; các sở, ban, ngành, địa phương
10.	Trung tâm điều hành thông minh (IOC) của tỉnh được nâng cấp theo hướng tích hợp AI phục vụ phân tích, dự báo, cảnh báo, giám sát, hỗ trợ ra quyết định		Hoàn thành	Sở Khoa học và Công nghệ	Văn phòng UBND tỉnh; doanh nghiệp
IV. Đầu vào					
11.	Bố trí kinh phí cho AI trong tổng chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh (theo khả năng cân đối)		Ưu tiên bố trí	Sở Tài chính	Sở Khoa học và Công nghệ; các sở, ban, ngành, địa phương
12.	Tỷ lệ cơ sở dữ liệu dùng chung, dữ liệu chuyên ngành trọng yếu của tỉnh được số hóa, chuẩn hóa, làm sạch, sẵn sàng khai thác cho AI	%	100	Sở Khoa học và Công nghệ	Công an tỉnh; các sở, ban, ngành
13.	Tỷ lệ cơ quan nhà nước cấp tỉnh mở và cung cấp dữ liệu mở bảo đảm chất lượng	%	100	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, địa phương
B. MỤC TIÊU ĐẾN NĂM 2045					
14.	Ninh Bình thuộc nhóm các địa phương dẫn đầu cả nước về năng lực ứng dụng, triển khai và quản trị AI, chuyển đổi AI	Vị trí	Nhóm dẫn đầu	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, địa phương

PHỤ LỤC II
DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC QUỐC GIA VỀ TRÍ TUỆ NHÂN TẠO ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NINH BÌNH

(Kèm theo Kế hoạch số 320/KH-UBND ngày 19 tháng 9 năm 2026 của UBND tỉnh)

STT	Nhiệm vụ, giải pháp	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp, triển khai thực hiện	Dự kiến kết quả, sản phẩm	Thời gian thực hiện
I. Nhân lực AI và kỹ năng AI toàn dân					
1.	Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng ứng dụng AI trong công việc cho cán bộ, công chức, viên chức toàn tỉnh.	Sở Nội vụ	Sở Khoa học và Công nghệ; các sở, ban, ngành, địa phương	Các khóa tập huấn được tổ chức hằng năm; số lượt CBCCVC được bồi dưỡng, có minh chứng.	Giai đoạn 2026 - 2030
2.	Phổ cập kỹ năng AI cơ bản cho người dân qua nền tảng "Bình dân học vụ số" (MOOCs), gắn với Tổ Công nghệ số cộng đồng.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Giáo dục và Đào tạo; UBND xã, phường; các Tổ Công nghệ số cộng đồng; các doanh nghiệp viễn thông	Số người dân hoàn thành khóa học trên nền tảng, có dữ liệu theo dõi.	Giai đoạn 2026 - 2030
3.	Triển khai chính sách thu hút, hỗ trợ nhân lực chuyên trách chuyển đổi số, an ninh mạng theo Nghị định số 179/2025/NĐ-CP.	Sở Nội vụ	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính; các sở, ban, ngành, địa phương	Chính sách được triển khai; số nhân lực được hưởng, có minh chứng.	Giai đoạn 2026 - 2027

STT	Nhiệm vụ, giải pháp	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp, triển khai thực hiện	Dự kiến kết quả, sản phẩm	Thời gian thực hiện
4.	Đào tạo, phát triển nhân lực có năng lực ứng dụng AI trong các ngành, lĩnh vực trọng điểm của tỉnh.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Khoa học và Công nghệ; các cơ sở giáo dục, đào tạo, doanh nghiệp	Số nhân lực được đào tạo có năng lực ứng dụng AI, có báo cáo kết quả.	Giai đoạn 2026 - 2030
II. Dữ liệu, mô hình AI					
5.	Số hóa, chuẩn hóa, làm sạch, mở và chia sẻ cơ sở dữ liệu dùng chung, dữ liệu chuyên ngành phục vụ AI theo nguyên tắc "đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung".	Sở Khoa học và Công nghệ (điều phối)	Công an tỉnh; các sở, ban, ngành, địa phương	Cơ sở dữ liệu được chuẩn hóa, làm sạch, sẵn sàng khai thác cho AI; có dữ liệu vận hành.	Giai đoạn 2026 - 2027
6.	Ban hành, cập nhật Khung kiến trúc dữ liệu, Khung quản trị - quản lý dữ liệu và Từ điển dữ liệu cấp tỉnh theo Quyết định số 2439/QĐ-TTg.	Sở Khoa học và Công nghệ	Công an tỉnh; các sở, ban, ngành	Khung kiến trúc dữ liệu, Từ điển dữ liệu cấp tỉnh được ban hành, áp dụng.	Năm 2026
7.	Công bố dữ liệu mở của tỉnh bảo đảm chất lượng, tăng tỷ lệ dữ liệu có API phục vụ khai thác cho AI.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, địa phương	Số bộ dữ liệu mở được công bố, tỷ lệ có API tăng, có người khai thác.	Thường xuyên
8.	Xây dựng, chuẩn hóa kho tri thức, dữ liệu tiếng Việt phục vụ Trợ lý AI công vụ của tỉnh.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành	Kho tri thức được vận hành, cập nhật, phục vụ trợ lý AI, có người sử dụng.	Giai đoạn 2026 - 2030

STT	Nhiệm vụ, giải pháp	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp, triển khai thực hiện	Dự kiến kết quả, sản phẩm	Thời gian thực hiện
III. Hạ tầng AI					
9.	Nâng cấp hạ tầng số, điện toán đám mây, kết nối phục vụ ứng dụng AI; ưu tiên thuê dịch vụ, không đầu tư trùng lặp với nền tảng dùng chung quốc gia (Quyết định số 1132/QĐ-TTg).	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính; các doanh nghiệp công nghệ số	Hạ tầng được nâng cấp, vận hành ổn định phục vụ AI.	Giai đoạn 2026 - 2030
10.	Bảo đảm đường truyền, mạng truyền số liệu chuyên dùng, thiết bị đầu cuối cấp xã đáp ứng ứng dụng AI trong giải quyết thủ tục hành chính.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, địa phương; các doanh nghiệp viễn thông	Hạ tầng, thiết bị cấp xã đáp ứng yêu cầu, có minh chứng vận hành.	Giai đoạn 2026 - 2027
IV. AI trong quản trị của tỉnh					
11.	Tích hợp AI vào hạ tầng số dùng chung và nền tảng nghiệp vụ chuyên ngành (quản lý văn bản, dịch vụ công, hệ thống báo cáo).	Các sở, ban, ngành, địa phương	Sở Khoa học và Công nghệ; các doanh nghiệp công nghệ số	Các nền tảng nghiệp vụ tích hợp AI, có người sử dụng thực tế.	Giai đoạn 2026 - 2030
12.	Triển khai Trợ lý AI công vụ cấp tỉnh theo hướng AI-First, AI-Native, kết nối, kế thừa nền tảng AI công vụ quốc gia; phát triển trợ lý ảo chuyên ngành phục vụ người dân.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, địa phương; các doanh nghiệp công nghệ số	Trợ lý AI công vụ cấp tỉnh được vận hành, có dữ liệu, có người sử dụng.	Giai đoạn 2026 - 2030
13.	Nâng cấp Trung tâm điều hành thông minh (IOC) của tỉnh tích hợp AI phục vụ phân tích, dự báo, cảnh báo, giám sát và hỗ trợ ra quyết định.	Sở Khoa học và Công nghệ	Văn phòng UBND tỉnh; các doanh nghiệp công nghệ số	IOC tỉnh tích hợp AI được vận hành, có dữ liệu, có minh chứng khai thác.	Năm 2027

STT	Nhiệm vụ, giải pháp	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp, triển khai thực hiện	Dự kiến kết quả, sản phẩm	Thời gian thực hiện
14.	Ứng dụng AI trong cung cấp dịch vụ công trực tuyến và hỗ trợ xử lý hồ sơ thủ tục hành chính (100%).	Văn phòng UBND tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ; các sở, ban, ngành, địa phương	DVCTT và hồ sơ TTHC được AI hỗ trợ xử lý, có dữ liệu vận hành.	Giai đoạn 2026 - 2030
15.	Ứng dụng AI trong quản trị, chỉ đạo, điều hành: phân tích chính sách, đánh giá tác động, dự báo kinh tế - xã hội, xây dựng và rà soát văn bản quy phạm pháp luật, giám sát thực thi, hỗ trợ ra quyết định	Các sở, ban, ngành, địa phương	Sở Khoa học và Công nghệ; các doanh nghiệp công nghệ số	Công cụ AI hỗ trợ được triển khai, có người sử dụng.	Giai đoạn 2026 - 2030
16.	Nghiên cứu ứng dụng bản sao số trong quản lý đô thị, hạ tầng kỹ thuật, quản lý di sản, du lịch (nơi có nhu cầu).	Sở Xây dựng; Sở Du lịch	Sở Khoa học và Công nghệ; các doanh nghiệp công nghệ số	Mô hình bản sao số được thí điểm, đưa vào sử dụng.	Giai đoạn 2027 - 2030
V. AI cho các ngành, lĩnh vực					
17.	Ứng dụng AI trong nông nghiệp, quản lý tài nguyên và môi trường.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành; các doanh nghiệp, Hợp tác xã	Mô hình, sản phẩm, dịch vụ AI được triển khai, có kết quả.	Giai đoạn 2026 - 2030
18.	Ứng dụng AI trong y tế, chăm sóc sức khỏe.	Sở Y tế	Sở Khoa học và Công nghệ; Các cơ sở y tế; doanh nghiệp	Mô hình, giải pháp AI trong y tế được triển khai, có người sử dụng.	Giai đoạn 2026 - 2030
19.	Ứng dụng AI trong giáo dục và đào tạo.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Khoa học và Công nghệ; Cơ sở giáo dục; doanh nghiệp	Giải pháp AI trong giáo dục được triển khai, có kết quả.	Giai đoạn 2026 - 2030
20.	Ứng dụng AI trong du lịch, văn hóa, di sản (phát huy đặc thù Ninh Bình).	Sở Du lịch; Sở Văn hóa và Thể thao	Sở Khoa học và Công nghệ; Các doanh nghiệp du lịch, công nghệ số	Sản phẩm AI phục vụ du lịch, di sản được đưa vào sử dụng.	Giai đoạn 2026 - 2030

STT	Nhiệm vụ, giải pháp	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp, triển khai thực hiện	Dự kiến kết quả, sản phẩm	Thời gian thực hiện
21.	Ứng dụng AI trong công nghiệp, thương mại, năng lượng.	Sở Công Thương	Các sở, ban, ngành; Các doanh nghiệp	Mô hình, giải pháp AI được triển khai, có kết quả.	Giai đoạn 2026 - 2030
22.	Ứng dụng AI trong giao thông, xây dựng, quản lý đô thị.	Sở Xây dựng	Sở Khoa học và Công nghệ; các doanh nghiệp	Giải pháp AI được triển khai, có minh chứng vận hành.	Giai đoạn 2026 - 2030
23.	Ứng dụng AI trong tài chính, quản lý ngân sách, đầu tư của tỉnh.	Sở Tài chính	Sở Khoa học và Công nghệ; các cơ quan, đơn vị, địa phương	Giải pháp AI hỗ trợ nghiệp vụ tài chính được triển khai.	Giai đoạn 2026 - 2030
24.	Ứng dụng AI trong lao động, việc làm, an sinh xã hội.	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; các doanh nghiệp, tổ chức liên quan	Mô hình, giải pháp AI được triển khai, có kết quả.	Giai đoạn 2026 - 2030
VI. AI cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, hộ kinh doanh, hợp tác xã					
25.	Triển khai chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, hộ kinh doanh, hợp tác xã chuyển đổi bằng AI (gắn cơ chế hợp tác công - tư theo Kế hoạch số 152/KH-UBND).	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính; Sở Công Thương; các doanh nghiệp công nghệ số	Số đơn vị được hỗ trợ giải pháp AI; báo cáo đánh giá kết quả.	Giai đoạn 2026 - 2030
26.	Phổ biến, cập nhật danh mục sản phẩm, dịch vụ, giải pháp AI phù hợp; kết nối cung - cầu.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; các doanh nghiệp công nghệ số	Danh mục được công bố, cập nhật; các hoạt động kết nối được tổ chức.	Giai đoạn 2026 - 2030
VII. Hệ sinh thái AI					
27.	Hỗ trợ phát triển doanh nghiệp AI, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo về AI trên địa bàn tỉnh.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính; các doanh nghiệp, tổ chức liên quan	Số doanh nghiệp AI, khởi nghiệp AI được hỗ trợ; có kết quả.	Giai đoạn 2026 - 2030

STT	Nhiệm vụ, giải pháp	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp, triển khai thực hiện	Dự kiến kết quả, sản phẩm	Thời gian thực hiện
28.	Ưu tiên sử dụng sản phẩm, dịch vụ, giải pháp AI "Make in Viet Nam" trong các nhiệm vụ, dự án ứng dụng CNTT, chuyển đổi số, cung cấp dịch vụ công của tỉnh.	Các sở, ban, ngành, địa phương	Sở Khoa học và Công nghệ; các cơ quan, đơn vị liên quan	Sản phẩm AI "Make in Viet Nam" được sử dụng, có minh chứng.	Giai đoạn 2026 - 2030
VIII. Quản trị AI an toàn, đáng tin cậy					
29.	Đánh giá, phân loại rủi ro hệ thống AI (cao, trung bình, thấp) theo Luật Trí tuệ nhân tạo và Nghị định số 142/2026/NĐ-CP; đề xuất bổ sung Danh mục hệ thống AI rủi ro cao theo thẩm quyền UBND tỉnh.	Sở Khoa học và Công nghệ	Công an tỉnh; các sở, ban, ngành; các cơ quan, đơn vị liên quan	Quy trình đánh giá, phân loại rủi ro được ban hành, áp dụng (Sau khi có hướng dẫn của Bộ KH&CN)	Giai đoạn 2026 - 2030
30.	Bảo đảm an ninh mạng, an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cho hệ thống AI, an toàn ngay từ khâu thiết kế.	Công an tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ; các sở, ban, ngành, địa phương;	Hệ thống AI được bảo đảm an toàn, có hồ sơ cấp độ an toàn.	Giai đoạn 2026 - 2030
31.	Hướng dẫn sử dụng AI có trách nhiệm trong các cơ quan nhà nước tỉnh Ninh Bình	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, địa phương; các cơ quan, đơn vị liên quan	Hướng dẫn được ban hành, áp dụng	Năm 2026
IX. Thể chế, nguồn lực, truyền thông, đo lường - đánh giá					
32.	Rà soát, tham mưu ban hành cơ chế, chính sách của tỉnh thúc đẩy phát triển, ứng dụng AI; lồng ghép tuyên truyền AI vào chương trình, kế hoạch của ngành, địa phương.	Các sở, ban, ngành, địa phương	Sở Khoa học và Công nghệ; các cơ quan, đơn vị liên quan	Cơ chế, chính sách được ban hành; nội dung tuyên truyền được lồng ghép.	Giai đoạn 2026 - 2030

STT	Nhiệm vụ, giải pháp	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp, triển khai thực hiện	Dự kiến kết quả, sản phẩm	Thời gian thực hiện
33.	Bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch; áp dụng phân luồng nguồn vốn, ưu tiên thuê dịch vụ, thử nghiệm có kiểm soát theo Nghị định số 224/2026/NĐ-CP.	Sở Tài chính	Sở Khoa học và Công nghệ; các sở, ban, ngành, địa phương; các cơ quan, đơn vị liên quan	Kinh phí được bố trí; cơ chế tài chính được áp dụng.	Hằng năm
34.	Tổ chức truyền thông, phổ biến, tập huấn về Luật Trí tuệ nhân tạo và các văn bản hướng dẫn thi hành.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; Báo và Phát thanh - Truyền hình Ninh Bình	Hội nghị, tài liệu truyền thông, tập huấn được tổ chức, có minh chứng.	Giai đoạn 2026 - 2030
35.	Xây dựng bộ chỉ tiêu, cơ chế theo dõi, đo lường mức độ chuyển đổi AI của tỉnh.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, địa phương; các cơ quan, đơn vị liên quan	Bộ chỉ tiêu được ban hành	Giai đoạn 2026 - 2027
36.	Định kỳ sơ kết, tổng kết, báo cáo tình hình, tiến độ, kết quả thực hiện Kế hoạch	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, địa phương; các cơ quan, đơn vị liên quan	Các báo cáo; Hội nghị sơ kết, tổng kết	Hằng năm